

NGŨ VĂN 6_ TUẦN 23

HOẠT ĐỘNG: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

I. Các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.
- Trình bày cảm xúc về một bài thơ.
- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
- Các câu trong đoạn văn cần được liên kết với nhau chặt chẽ để tạo sự mạch lạc cho đoạn văn.
- Cấu trúc gồm có ba phần:
 - + Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề)
 - + Thân đoạn: trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.
 - + Kết đoạn: khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

II. Phân tích kiểu văn bản

- Kiểu bài: Viết đoạn văn biểu cảm.
- Đối tượng: Bài thơ
- Ngôi viết: Ngôi thứ nhất
- Cảm xúc: Yêu thương cha, thể hiện tình cảm cha con sâu sắc.

Đặc điểm	Thể hiện trong đoạn văn ghi lại cảm xúc bài thơ “Những cánh bướm”
Cấu trúc đoạn	- <i>Mở đoạn</i>: “Những cánh bướm là...trong tôi nhiều cảm xúc” - <i>Thân đoạn</i>: “Hình ảnh...hình ảnh mình trong đó” - <i>Kết đoạn</i>: “Qua bài thơ... trong vòng tay cha”
Vai trò của từng phần trong đoạn	- <i>Mở đoạn</i>: Giới thiệu bài thơ Những cánh bướm của nhà thơ Hoàng Trung Thông và cảm xúc về bài thơ (tình cha con sâu nặng). - <i>Thân đoạn</i>: tình cảm người cha đối với con và hình ảnh cánh bướm đưa con đến tương lai, đến niềm mơ ước. - <i>Kết đoạn</i>: cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật tôi qua bài thơ
Những từ ngữ thể hiện cảm xúc trong đoạn	Đong đầy, yêu thương, triều mến, sự yêu thương, thấm thiết.
Từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thế những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó? Tác dụng của nó	- Lặp lại: tôi nhiều cảm xúc, - Thay thế: (Những cánh bướm - Bài thơ), (tình cha con thấm thiết - Tình cảm ấy) → Tạo tình mạch lạc, làm cho các câu trôi chảy, liên mạch với nhau. Góp phần thể hiện được cảm xúc người viết.

III. Quy trình viết

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Bước 3: Viết đoạn

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

IV. Thực hành viết

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) ghi lại cảm xúc một bài thơ mà em thích.

HS viết dựa trên bảng kiểm

 Bảng kiểm		
Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra	Đạt/ Chưa đạt
Mở đoạn	Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng.	
	Dùng ngôi thứ nhất ghi lại cảm xúc về bài thơ.	
	Nêu nhan đề, tên tác giả và cảm xúc khái quát về bài thơ.	
Thân đoạn	Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu	
	Dẫn chứng bằng một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ	
	Sử dụng một số từ ngữ để tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các câu	
Kết đoạn	Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân	
	Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn	

HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE: THẢO LUẬN NHÓM NHỎ VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN CÓ GIẢI ĐÁP THỐNG NHẤT



I. Chuẩn bị





Chủ đề: Làm thế nào để mọi người trong gia đình hiểu và yêu thương nhau hơn?








II. Thảo luận



Chuẩn bị ý kiến khi tham gia câu hỏi	Mức độ				
	Không chuẩn bị	Ý kiến không thuyết phục	Ý kiến hợp lí	Có nhiều ý kiến nhưng chưa hợp lí	Tích cực đóng góp ý kiến, nội dung phong phú
Tên thành viên					
Khi tham gia thảo luận	Không tham gia	Chỉ đưa ra ý kiến mà không phản hồi ý kiến của người khác	Chỉ phản hồi ý kiến của người khác mà không đưa ra ý kiến	Có đưa ra ý kiến và phản hồi ý kiến	Tích cực đưa ra ý kiến và phản hồi ý kiến của người khác
Tên thành viên					



ÔN TẬP



I. Ôn tập văn bản

Câu 1. Nội dung các văn bản đã học



Tác phẩm	Nội dung chính	NX cách thể hiện tình cảm qua ba VB
Những cánh buồm	Bài thơ nói về mơ ước của cha và con. Đứng trước biển thấy những cánh buồm kiêu hãnh ngoài biển khơi, người con muốn có một cánh buồm trắng, sẽ đi thật xa để khám phá. Đó cũng là mơ ước thuở bé của người cha.	cách thể hiện tình cảm vô cùng độc đáo, mỗi văn bản thể hiện theo một cách riêng nhưng luôn đề người đọc cảm nhận được tình cảm gia đình là vô cùng trân quý đối với mỗi con người.
Mây và sóng	Bài thơ nói về mơ ước của cha và con. Đứng trước biển thấy những cánh buồm kiêu hãnh ngoài biển khơi, người con muốn có một cánh buồm trắng, sẽ đi thật xa để khám phá. Đó cũng là mơ ước thuở bé của người cha.	
Con là	Bài thơ nói về tình cảm gia đình ấm cúng, đặc biệt là tình yêu thương vô bờ bến mà cha dành cho con	



I. Ôn tập văn bản



Câu 2. Khi đọc cần chú ý các yếu tố nội dung và nghệ thuật

01



02



I. Ôn tập văn bản



Câu 3





II. Ôn tập về viết/ trình bày



Yêu cầu của đoạn văn ghi lại
cảm xúc về một bài thơ



II. Ôn tập về viết/ trình bày



**Câu 4: Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại
cảm xúc về một bài thơ:**



01

Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn gồm ba phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.



02

Trình bày cảm xúc về một bài thơ và sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.



03

Các câu trong đoạn văn cần được liên kết với nhau chặt chẽ để tạo sự mạch lạc cho đoạn văn





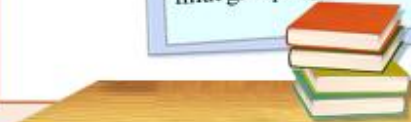
II. Ôn tập về viết/ trình bày

Câu 5



Qua bài học này, em rút ra được cần chuẩn bị thật tốt và ghi lại tóm tắt những ý kiến của thành viên trong nhóm, tìm ra điểm chung của các thành viên và thống nhất giải pháp.

.....
.....
.....
.....

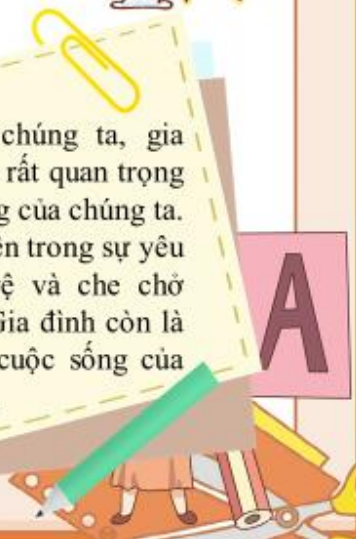


III. Trao đổi câu hỏi lớn của bài

Câu 6:



Đối với mỗi chúng ta, gia đình có vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của chúng ta. Chúng ta lớn lên trong sự yêu thương, bảo vệ và che chở của gia đình. Gia đình còn là điểm tựa cho cuộc sống của mỗi con người.



BÀI HỌC TUẦN 7 HK2 TOÁN 6 NĂM HỌC 2021-2022

BÀI 7: HỖN SỐ

1. Hỗn số

Tổng quát:



Cho a và b là hai số nguyên dương, $a > b$, a không chia hết cho b . Nếu a chia cho b được thương là q và số dư là r , thì ta viết $\frac{a}{b} = q\frac{r}{b}$ và gọi $q\frac{r}{b}$ là *hỗn số*.
Đọc là “ q , r phần b ”.

Thực hành 1

Viết phân số $\frac{11}{2}$ dưới dạng hỗn số và cho biết phần số nguyên, phần phân số.

$$\frac{11}{2} = 5\frac{1}{2}$$

Số nguyên: 5

Phần phân số: $\frac{1}{2}$

2. Đổi hỗn số ra phân số



$$q\frac{r}{b} = \frac{q \cdot b + r}{b}.$$

Thực hành 2

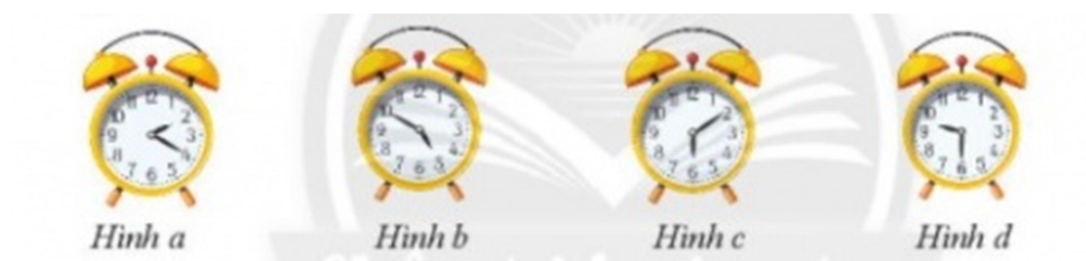
Tính giá trị của biểu thức $\left(\frac{5}{-4} + 3\frac{1}{3}\right) : \frac{10}{9}$.

$$\begin{aligned} & \left(\frac{5}{-4} + 3\frac{1}{3}\right) : \frac{10}{9} \\ &= \left(\frac{5}{-4} + \frac{10}{3}\right) \cdot \frac{9}{10} \\ &= \left(\frac{-15}{12} + \frac{40}{12}\right) \cdot \frac{9}{10} \\ &= \frac{-25}{12} \cdot \frac{9}{10} \\ &= \frac{15}{8} \end{aligned}$$

❖ HƯỚNG DẪN BÀI TẬP

Câu 1:

Dùng hỗn số viết thời gian ở đồng hồ trong các hình vẽ sau:



Thời gian ở Hình a có thể viết là $2\frac{1}{3}$ giờ hoặc $14\frac{20}{60}$ giờ được không?

Hình a: $2\frac{1}{3}$

Hình b: $5\frac{5}{6}$

Hình c: $6\frac{1}{6}$

Hình d: $9\frac{1}{2}$

Câu 2: Sắp xếp các khối lượng sau theo thứ tự từ lớn đến nhỏ

$3\frac{3}{4}$ tạ; $\frac{377}{100}$ tạ; $\frac{7}{2}$ tạ; $3\frac{45}{100}$; 365 kg

Các khối lượng theo thứ tự từ lớn đến nhỏ:

$\frac{377}{100}$ tạ, $3\frac{3}{4}$ tạ, 365 kg, $\frac{7}{2}$ tạ, $3\frac{45}{100}$

3. Dùng phân số hoặc hỗn số để viết các đại lượng diện tích dưới đây theo mét vuông:

a) 125 dm²;

b) 218 cm²;

c) 240 dm²;

d) 34 cm².

Nếu viết chúng theo đề-xi-mét vuông thì sao?

a. $1\frac{25}{100}$ m²

b. $\frac{109}{5000}$ m²

c. $2\frac{40}{100}$ m²

d. $\frac{17}{5000}$ m²

Nếu viết chúng theo đề xi mét vuông:

a. $\frac{125}{1}$ dm²

b. $2\frac{18}{100}$ dm²

c. $\frac{240}{1}$ dm²

d. $\frac{34}{100}$ dm²

Câu 4: Hai xe ô tô cùng đi được quãng đường 100 km xe taxi chạy trong $1\frac{1}{5}$

giờ và xe tải chạy trong 70 phút. So sánh vận tốc hai xe

Đổi 70 phút = $1\frac{1}{6}$ giờ

Vận tốc của xe taxi là:

$100 : 1\frac{1}{5} = 100 : \frac{6}{5} = 83\frac{1}{3}$ (km/h)

Vận tốc của xe taxi là:

$100 : 1\frac{1}{6} = 85\frac{5}{7}$ (km/h)

Ta có: $85\frac{5}{7} > 83\frac{1}{3}$ nên vận tốc của xe taxi lớn hơn

BÀI 3: HAI ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU, SONG SONG. TIA

1. Hai đường thẳng cắt nhau, song song



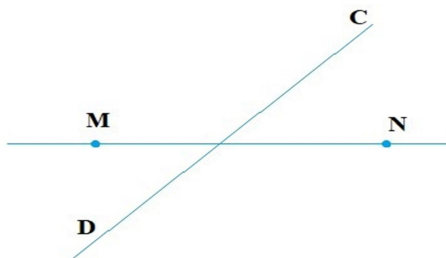
- Nếu hai đường thẳng chỉ có một điểm chung, ta nói rằng hai đường thẳng đó cắt nhau. Điểm chung được gọi là **giao điểm** của hai đường thẳng.
- Nếu hai đường thẳng không có điểm chung nào, ta nói rằng hai đường thẳng đó **song song** với nhau.

Thực hành

Cho đường thẳng MN như hình bên.

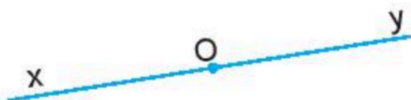
Hãy vẽ hình trong các trường hợp sau:

- Đường thẳng CD cắt đường thẳng MN;
- Đường thẳng EF song song với đường thẳng MN.



Chú ý: Từ nay về sau, khi nói hai đường thẳng mà không nói gì thêm, ta hiểu đó là hai đường thẳng phân biệt.

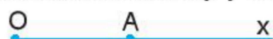
2. Tia



Mỗi điểm O trên một đường thẳng chia đường thẳng đó thành hai phần, mỗi phần gọi là một **tia gốc O**.

Chú ý:

- Từ một điểm O kẻ một vạch thẳng về một phía của điểm O để biểu diễn một tia gốc O.
- Nếu A là một điểm tùy ý trên tia Ox, ta có thể gọi tia Ox là tia OA (Hình 4).



Hình 4

Nhớ: Khi viết (đọc) tia, ta phải viết (đọc) gốc tia trước

❖ HƯỚNG DẪN BÀI TẬP

Câu 1: Em hãy chọn trong các phương án dưới đây để được một phát biểu đúng.

Qua hai điểm A và B phân biệt có

(A) vô số đường thẳng S

(B) Chỉ có 1 đường thẳng Đ

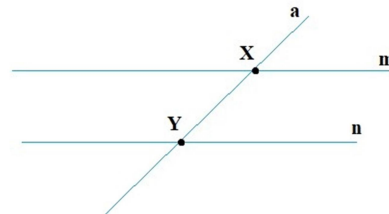
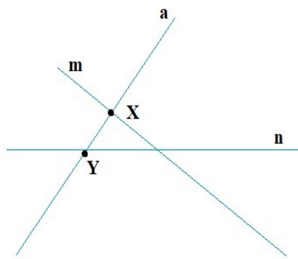
(C) không có đường thẳng nào S

Câu 2:

Vẽ hình cho các trường hợp sau:

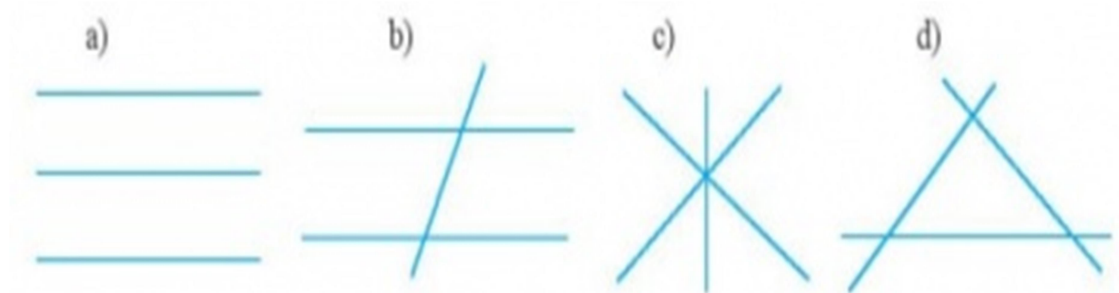
a) Hai đường thẳng p và q cắt nhau tại điểm M

b) Đường thẳng a cắt hai đường thẳng m và n theo thứ tự tại X và Y trong hai trường hợp m và n cắt nhau, hoặc m và n song song với nhau



Câu 3:

Đếm số giao điểm tạo bởi ba đường thẳng trong mỗi hình sau:



a) Không có giao điểm nào

b) Có hai giao điểm

c) Có 1 giao điểm

d) Có 3 giao điểm

Câu 4

Kể tên các tia có gốc là M trong hình sau:



Các tia có gốc là M: tia MH, tia MF

BÀI 4: ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG

1. Đoạn thẳng



Đoạn thẳng AB là hình gồm hai điểm A, B và tất cả các điểm nằm giữa A và B. Đoạn thẳng AB còn gọi là đoạn thẳng BA.

Hai điểm A, B gọi là hai *đầu mút* (hoặc hai *đầu*) của đoạn thẳng AB.

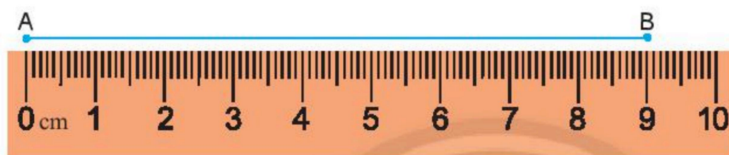
Thực hành 1

Kể tên các đoạn thẳng có trong hình dưới đây:



Các đoạn thẳng có trong hình: AB; BC; CD; DE; AC; AD; BD

2. Độ dài đoạn thẳng



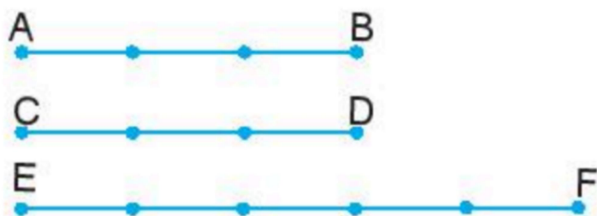
$$AB = 9\text{cm}$$

Nhận xét:



- Mỗi đoạn thẳng có một độ dài. Độ dài đoạn thẳng là một số dương.
- Độ dài đoạn thẳng AB còn gọi là **khoảng cách giữa hai điểm** A và B.
- Nếu hai điểm trùng nhau thì khoảng cách giữa chúng bằng 0.

3. So sánh hai đoạn thẳng

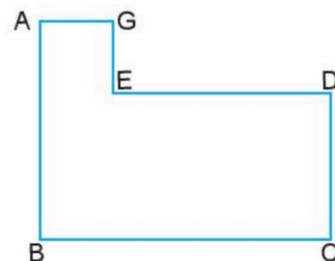


- Đoạn thẳng AB bằng đoạn thẳng CD và viết là $AB = CD$.
- Đoạn thẳng EF dài hơn đoạn thẳng AB và viết là $EF > AB$.
- Đoạn thẳng CD ngắn hơn đoạn thẳng EF và viết là $CD < EF$.

Thực hành 2

Cho hình vẽ bên:

Hãy đo độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD, DE, EG, AG và sắp xếp các đoạn thẳng đó theo thứ tự độ dài từ bé đến lớn.



- Học sinh dùng thước đo độ dài
- Các đoạn thẳng theo thứ tự độ dài từ bé đến lớn là: AG, GE, DC, ED, AB, BC

4. Một số dụng cụ đo độ dài

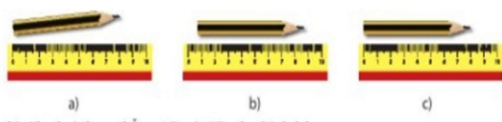
Hình bên là một số loại dụng cụ đo độ dài, đo khoảng cách trong thực tiễn: thước cuộn, thước xếp, thước dây.



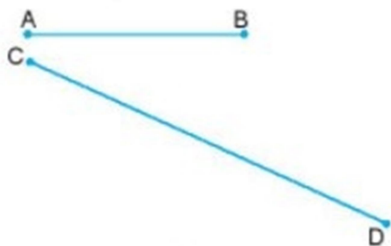
❖ HƯỚNG DẪN BÀI TẬP

Câu 1:

a) Cách đặt thước đo nào trong hình dưới đây sẽ cho biết chính xác độ dài chiếc bút chì?



b) Cho hai đoạn thẳng AB và CD như hình bên



- Đo độ dài hai đoạn thẳng trên
- Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng tổng độ dài hai đoạn thẳng trên.

a) Cách c) sẽ cho biết chính xác độ dài chiếc bút chì

b) HS dùng thước đo độ dài của hai đoạn thẳng trên

Cộng tổng độ dài của hai đoạn thẳng và đặt thước kẻ đoạn thẳng MN dài bằng tổng trên

Câu 2: Em hãy vẽ bảng theo mẫu rồi cùng các bạn đo độ dài của bàn học để hoàn thiện bảng, sau đó đối chiếu với kích thước tiêu chuẩn

Bàn học (kích thước tiêu chuẩn)	Bàn học trong lớp (kích thước đo được sắp xếp theo các cỡ)
Cỡ III: Chiều dài bàn học: 120 cm Chiều rộng bàn học: 45 cm	
Cỡ IV, V: Chiều dài bàn học: 120 cm Chiều rộng bàn học: 50 cm	

Câu 3:

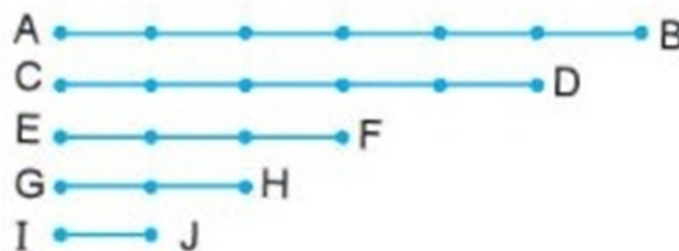
Em cùng các bạn hãy ước lượng chiều dài, chiều rộng và bề dày của cuốn sách giáo khoa Toán 6 tập hai với đơn vị đo xăng-ti-mét và mi-li-mét, sau đó dùng thước kẻ để kiểm tra lại kết quả đó.

- Ước lượng: Chiều dài: 30cm, chiều rộng 20 cm, độ dày 1cm
- HS đo và kiểm tra lại ước lượng của mình

Câu 4: Tìm độ dài của tất cả các đoạn thẳng có trong hình bên, nếu như đơn vị đo là độ dài của đoạn thẳng

a) IJ

b) AB



a) $GH = 2 IJ$

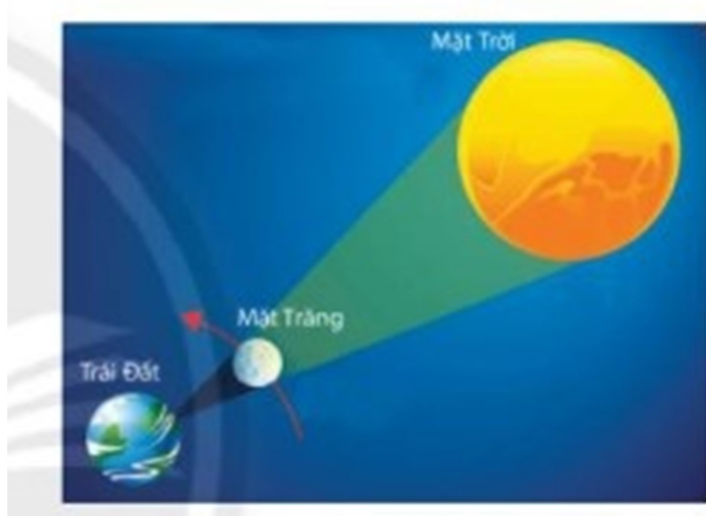
$EF = 3 IJ$

$CD = 5 IJ$

$AB = 6 IJ$

$$b) IJ = \frac{1}{6} AB \quad GH = \frac{1}{3} AB \quad EF = \frac{1}{2} AB \quad CD = \frac{5}{6} AB$$

Câu 5: Cho biết khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời khoảng 150 000 000 km và khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trăng khoảng 384 000 km. Hỏi khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là bao nhiêu ki-lô-mét?



Khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là:
 $150\,000\,000 - 384\,000 = 149\,616\,000 \text{ (km)}$

TUẦN 7 – TIẾNG ANH 6

NỘI DUNG BÀI HỌC

UNIT 7: MOVIES – LESSON 2

No.	Word	Pronunciation	Type	Meaning
1.	awful	/ˈɔːfʊl/	adj	kinh khủng
2.	boring	/ˈbɔːrɪŋ/	adj	chán
3.	exciting	/ɪkˈsaɪtɪŋ/	adj	thú vị
4.	fantastic	/fænˈtæstɪk/	adj	tuyệt vời
5.	funny	/ˈfʌni/	adj	hài hước
6.	great	/greɪt/	adj	tuyệt vời
7.	sad	/sæd/	adj	buồn
8.	terrible	/ˈterəbl/	adj	khủng khiếp
9.	adventure	/ədˈventʃə/	n	cuộc phiêu lưu

GRAMMAR

SIMPLE PAST WITH “TOBE”

AFFIRMATIVE	NEGATIVE	INTERROGATIVE
I WAS YOU WERE HE } WAS SHE } IT } WE } WERE YOU } THEY }	I WASN'T YOU WEREN'T HE } WASN'T SHE } IT } WE } WEREN'T YOU } THEY }	WAS I ... ? WERE YOU ... ? WAS { HE ... ? { SHE ... ? { IT ... ? WERE { WE ... ? { YOU ... ? { THEY ... ?

Lưu ý:

Khi chủ ngữ câu hỏi là “You” (bạn) thì câu trả lời phải dùng “I” (tôi) để đáp lại.

EXERCISE 1

https://www.english-hilfen.de/en/exercises/tenses/was_were.htm

1. I in Canberra last spring.
2. We at school last Saturday.
3. Tina at home yesterday.
4. He happy.
5. Robert and Stan Garry's friends.
6. You very busy on Friday.
7. They in front of the supermarket.
8. I in the museum.
9. She in South Africa last month.
10. Jessica and Kimberly late for school.

EXERCISE 2

<https://www.english-4u.de/en/tenses-exercises/was-were.htm>

1. Last year my best friend 22 years old.
2. The weather cold when we in Berlin.
3. Why you so angry yesterday?
4. At this time last year Sandra in Paris.
5. We tired because it late at night.
6. Tim asleep at ten o'clock yesterday. (-)
7. Our hotel last year small, but it very clean.
8. I phoned you at the weekend, but you at home. (-)
9. My dad at work the whole week, because he was ill. (-)
10. The shops open yesterday, but we didn't go there.
11. My friends at the shopping mall two days ago.
12. Claire and I at school last Monday. (-)
13. Liam at home when you came back from work?
14. They didn't tell where they on May 2nd.
15. Autumn really warm and dry this year.
16. When Tom a child, he afraid of dogs.
17. There a good movie on TV at prime time. (-)
18. My daughters in the USA two years ago.
19. She at home when they broke into her house. (-)
20. What your biggest success as professional?

Trường THCS Trần Văn Quang Q Tân Bình

BÀI GHI LỚP 6 MÔN GDCD

Tuần 26(14/02 - 19/3/22)

BÀI 9: CÔNG DÂN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
(TIẾT 2)

I. Thông tin – sự kiện: (Khởi động) HS phân tích thông tin trong Sgk

II. Nội dung bài học: (Khám phá)

c. Mối quan hệ giữa nhà nước và công dân

- Công dân có quyền và nghĩa vụ đối với nhà nước CHXHCNVN.
- Nhà nước CHXHCNVN đảm bảo và bảo vệ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

d. Quyền và nghĩa vụ của công dân

*** Quyền:**

- Quyền được học tập.
- Quyền được PL bảo vệ về tính mạng, thân thể, nhân phẩm...
- Quyền hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe.
- Quyền tự do đi lại, cư trú.

*** Nghĩa vụ:**

- Nghĩa vụ học tập.

III. Luyện tập :

- HS làm các bài tập SGK
- Xử lý bài tập tình huống

IV. Dặn dò:

- Học bài và chuẩn bị tiết 2.
- Làm các bài tập / SGK và các bài tập tình huống.

BÀI TẬP

Xử lý tình huống:

1. Cha mẹ Nam là công dân Việt Nam và đều là nhân viên Đại sứ quán Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đức. Nam được sinh ra và lớn lên ở đó. Nam đi học cùng trẻ em Đức, học giỏi và nói tiếng Đức rất thạo. Nam chỉ khác người Đức ở mái tóc đen và nước da ngăm đen. Các bạn hỏi : "Nam là người nước nào, mang quốc tịch gì?"

Nam trả lời : "Tớ là người Việt Nam và mang quốc tịch Việt Nam".

Theo em, bạn Nam nói thế có đúng không?

Trả lời: Bạn Nam đã nói đúng. Vì theo Luật quốc tịch Việt Nam : Trẻ em sinh ra có cả cha và mẹ là công dân Việt Nam thì có quốc tịch Việt Nam

2. Hiện nay có một số trẻ em có mẹ là người Việt Nam. Các em không có bố và cũng không biết bố là công dân nước nào ? Từ khi sinh ra các em đều được hưởng mọi chế độ chăm sóc về y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội,... do nhà nước quy định, không có một sự phân biệt đối xử nào. Nhưng một số người vẫn hoài nghi không biết các em có phải là công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hay không?

Em hãy thử lý giải tình huống trên?

Trả lời: Trong trường hợp này, các em đều là công dân Việt Nam vì theo Luật quốc tịch Việt Nam : trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam đều có quyền có quốc tịch Việt Nam

3. Ông Lee Trần là người Mỹ gốc Việt. Mùa hè vừa qua, ông đi theo tour du lịch về Việt Nam. Khi theo đoàn tham quan, ông phải trả phí dịch vụ theo mức của người nước ngoài. Ông ấy nêu ý kiến rằng vì mình là người gốc Việt nên chỉ trả phí dịch vụ như người Việt.

Ý kiến của ông Lee Trần như thế có đúng không? Vì sao?

Trả lời: Ý kiến của ông Lee Trần như thế là không đúng vì dù ông là người Mỹ gốc Việt nhưng ông không có quốc tịch Việt Nam và không phải là công dân Việt Nam nên ông phải trả phí dịch vụ theo mức của người nước ngoài.

**BÀI 15. THỰC HÀNH:
PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA**

Bài tập 1

Nhiệt độ TB tháng cao nhất: Tháng 7 khoảng 17°C, thấp nhất tháng 12 khoảng 8°C.

- Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là 9°C.

- Những tháng có lượng mưa trên 100mm là tháng 1,2,3,7,8,9,10,11,12.

=> Va-len-xi-a thuộc đới khí hậu ôn đới.

Bài tập 2

BẢNG NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CỦA MÔN – TRÊ – AN VÀ HÀ NỘI

	Môn-trê-an	Hà Nội
Về nhiệt độ		
Nhiệt độ tháng cao nhất (°C)	23	30
Nhiệt độ tháng thấp nhất (°C)	-10	17
Biên độ nhiệt độ (°C)	33	13
Về lượng mưa		
Lượng mưa tháng cao nhất (mm)	100	350
Lượng mưa tháng thấp nhất (mm)	80	10
Lượng mưa trung bình năm (mm)	1040	1724

**CHƯƠNG 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT
BÀI 16. THỦY QUYỂN VÀ VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC.
NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ**

I/ Thủy quyển, thành phần chủ yếu của thủy quyển

-Thủy quyển: là lớp nước bao phủ trên Trái Đất.

- Bao gồm: nước trong các biển, đại dương; nước trên lục địa (sông, hồ, băng, tuyết; nước ngầm,...) và hơi nước trong khí quyển.

- Gồm nước ở các đại dương, biển, sông, hồ, đầm lầy, nước dưới đất (nước ngầm), tuyết, băng và hơi nước trong khí quyển.

II. Vòng tuần hoàn nước

- Là sự chuyển động của nước trên Trái Đất theo những chu trình khép kín.
- Gồm 2 giai đoạn:
 - + Vòng tuần hoàn nhỏ.
 - + Vòng tuần hoàn lớn.

III/ Nước ngầm và Băng hà

1/ Nước ngầm

- Là nước nằm dưới bề mặt đất do mưa, băng tuyết tan và sông hồ thấm vào đất mà thành.
- Vai trò: nguồn cung cấp nước cho sông và hồ.

2/ Băng hà

- Băng hà chiếm 99% ở vùng cực (Nam Cực chiếm 90%).
- Vai trò: là nguồn dự trữ nước ngọt lớn nhất trên Trái Đất.

TUẦN 7 TỪ NGÀY 14/3 - 15/3/2022

**BÀI 18. CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC
TRƯỚC THẾ KỈ X (4 tiết)**

1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40 – 43).

- Nguyên nhân: do chính sách thống trị tàn bạo của nhà Hán, Thi Sách bị giết.
- Mùa xuân năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa ở Hát Môn.
- Nhân dân khắp nơi hưởng ứng, nghĩa quân đánh chiếm Mê Linh, Cổ Loa (Hà Nội) và Luy Lâu (Bắc Ninh) -> Quân Nam Hán bị đánh tan.
- Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên làm vua (Trưng Vương hay Trưng Nữ Vương), đóng đô ở Mê Linh.
- Mùa hè năm 42, nhà Hán đem quân đàn áp. Năm 43, cuộc khởi nghĩa thất bại.

2. Khởi nghĩa Bà Triệu (năm 248).

- Nguyên nhân: dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Ngô.
- Năm 248, Bà Triệu phát cờ khởi nghĩa.
- Từ căn cứ Phú Điền, nghĩa quân đánh ra khắp Giao Châu.
- Nhà Ngô đem quân sang vừa mua chuộc vừa đàn áp.
- Khởi nghĩa thất bại, bà Triệu hy sinh trên núi Tùng.
- Khởi nghĩa thất bại nhưng Bà Triệu vẫn sống mãi trong lòng nhân dân, hun đúc tinh thần đấu tranh giành độc lập của dân tộc ta.

3. Khởi nghĩa Lý Bí và nước Vạn Xuân (năm 542 – 602).

- Nguyên nhân: do chính sách thống trị tàn bạo của nhà Lương.
- Mùa xuân năm 542, Lý Bí khởi nghĩa.
- Chưa đầy 3 tháng, nghĩa quân chiếm được hầu hết các quận, huyện, Tiêu Tư bỏ chạy về Trung Quốc.
- Năm 542 và đầu năm 543, nhà Lương hai lần đưa quân sang đàn áp, nhưng thất bại.
- Mùa xuân năm 544, Lý Bí lên ngôi hoàng đế (Lý Nam Đế), đặt tên nước là Vạn Xuân, đóng đô ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội), xây điện Vạn Thọ, chùa Khai Quốc, đúc tiền riêng.
- Ý nghĩa: thể hiện được ý chí, lòng yêu nước và tinh thần chiến đấu của nhân dân
- Tháng 5/545, Nhà Lương cho quân sang xâm lược Vạn Xuân.
- Triệu Quang Phục xây dựng căn cứ ở Dạ Trạch (Hưng Yên), chuẩn bị kháng chiến.
- Năm 550, Triệu Quang Phục xưng vương (Triệu Việt Vương).
- Năm 603, nhà Tùy đem quân xâm lược, nước Vạn Xuân sụp đổ.

4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan (năm 713 – 722).

- Dưới ách thống trị tàn bạo của nhà Đường, năm 713 Mai Thúc Loan khởi nghĩa.
- Được nhân dân ủng hộ, khởi nghĩa lan rộng ra khắp châu, huyện.
- Ông chọn Sa Nam (Nghệ An) làm căn cứ, ông xưng đế, nhân dân gọi là Mai Hắc Đế.
- Ông liên kết với nhân dân khắp Giao Châu và Cham-pa tấn công thành Tống Bình.
- Năm 722, nhà Đường cho quân sang đàn áp, khởi nghĩa bị dập tắt.
- > Đánh dấu một mốc quan trọng trên con đường chống Bắc thuộc, giành lại quyền tự chủ của nhân dân ta.

5. Khởi nghĩa Phùng Hưng (khoảng năm 776 – 791).

- Khoảng năm 776, Phùng Hưng khởi nghĩa và nhanh chóng làm chủ vùng Đường Lâm (Hà Nội).
- Được nhân dân hưởng ứng, Phùng Hưng chiếm được thành Tống Bình, tổ chức việc cai trị.
- Sau khi Phùng Hưng qua đời, Phùng An lên thay.
- Năm 791, nhà Đường đem quân sang đàn áp, dập tắt cuộc khởi nghĩa.
- Nhân dân lập đền thờ và truy tôn là Bố Cái Đại Vương.
- > Củng cố quyết tâm giành độc lập cho dân tộc.



Trường THCS Trần Văn Quang

Tuần 7 (Từ 14/3 đến 19/03/2022)

Môn : Công nghệ 6

DỰ ÁN 3 : EM LÀM NHÀ THIẾT KẾ THỜI TRANG

I/ Thảo luận nhóm :

- Đồng phục học sinh trung học cơ sở thường có đặc điểm thế nào?

- Loại vải nào phù hợp để may đồng phục học sinh?

Kiểu may và màu sắc của trang phục như thế nào để phù hợp với các hoạt động học tập và sinh hoạt tại trường?

- Bộ đồng phục có hoạ tiết trang trí ra sao để tạo điểm nhấn và đạt yêu cầu thẩm mỹ?

II/ Thực hiện

THIẾT KẾ BỘ ĐỒNG PHỤC HỌC SINH NAM VÀ NỮ

HS thiết kế trang phục theo hướng dẫn tuần trước .

*** DẶN DÒ :**

- Tiết sau : Hoàn thành thiết kế cá nhân và nộp bài .

- Chuẩn bị : Ôn tập chương 3 và Kiểm tra giữa kì 2.

CHỦ ĐỀ 8: HỆ THỐNG CÂU HỎI LÝ THUYẾT

BÀI 22: PHÂN LOẠI THỂ GIỚI SỐNG

Câu 1: Phân loại thể giới sống là gì?

- Phân loại thể giới sống là cách sắp xếp sinh vật vào một hệ thống theo trật tự nhất định dựa vào đặc điểm cơ thể. (SGK 102)

Câu 2: Vì sao cần phải phân loại thể giới sống?(1.SGK101)

- Thể giới sống vô cùng đa dạng và phức tạp. Việc phân loại thể giới sống giúp chúng ta gọi đúng tên sinh vật, đưa sinh vật vào đúng nhóm phân loại, nhận ra sự đa dạng của sinh giới.

Câu 3: Thể giới sống có thể phân loại theo các tiêu chí nào? ?(1.SGK101)

- Thể giới sống có thể phân loại dựa vào một số các tiêu chí sau: đặc điểm tế bào, mức độ tổ chức cơ thể, môi trường sống, kiểu dinh dưỡng,...

Câu 4: Loài là gì?SGK 103

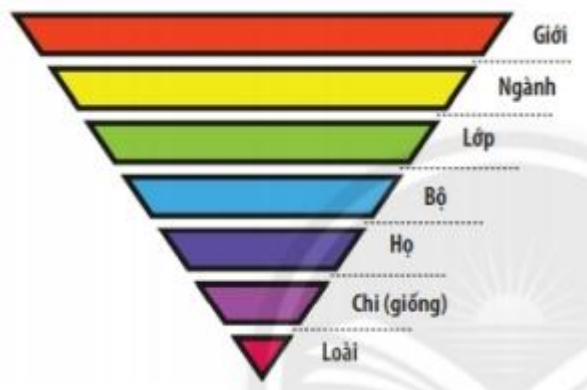
- Loài là bậc phân loại cơ bản, gồm một nhóm cá thể các sinh vật có những đặc điểm sinh học tương đối giống nhau và có khả năng giao phối sinh ra thế hệ mới.

+ Ví dụ: loài ngựa vằn

Câu 5: Kể tên các bậc phân loại sinh vật và sắp xếp chúng theo thứ tự từ thấp đến cao.

- Các bậc phân loại sinh vật bao gồm 7 bậc là: loài, chi/giống, họ, bộ, lớp, ngành, giới.

Thứ tự sắp xếp các bậc phân loại từ thấp đến cao là:



Câu 6: Một loài có thể được gọi tên theo những cách nào? Nêu ý nghĩa của từng cách gọi tên.

- Một loài có thể được gọi tên theo 3 cách là: tên phổ thông, tên khoa học, tên địa phương.

+ **Tên phổ thông** là cách gọi phổ biến của loài có trong danh mục tra cứu

+ **Tên khoa học** là cách gọi tên một loài sinh vật theo tên chi/giống và tên loài

+ **Tên địa phương** là cách gọi truyền thống của người dân bản địa theo vùng miền, quốc gia

Câu 7: Sinh vật được chia thành các giới nào? Nêu đặc điểm của từng giới.(SGK 104)

- Sinh vật được chia thành 5 giới là: giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Thực vật, giới Động vật.

- Đặc điểm của từng giới là:

+ **Giới Khởi sinh:** gồm những sinh vật **có cấu tạo tế bào nhân sơ**, sống tự dưỡng hoặc dị dưỡng, môi trường sống đa dạng



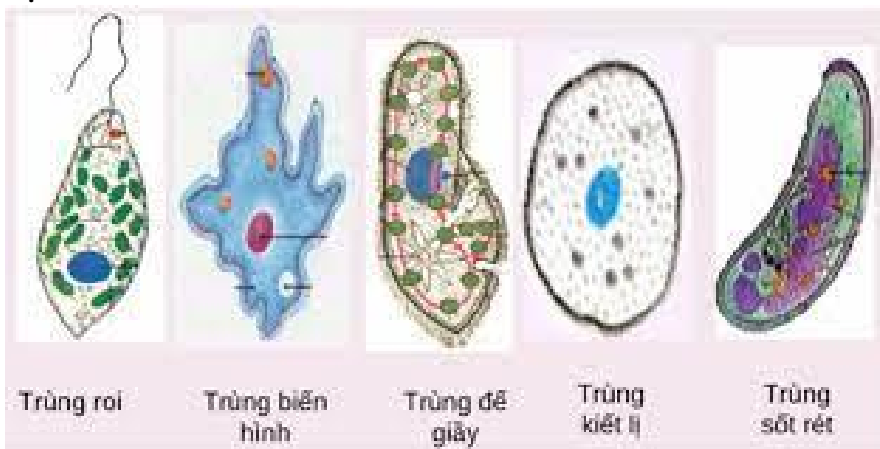
Vi khuẩn lam



Vi khuẩn



+ **Giới Nguyên sinh:** gồm những sinh vật **có cấu tạo tế bào nhân thực**, phần lớn cơ thể đơn bào, sống tự dưỡng hoặc dị dưỡng, sống trong môi trường nước hoặc trên cơ thể sinh vật



+ **Giới Nấm:** gồm những sinh vật **có cấu tạo tế bào nhân thực**, cơ thể đơn bào hoặc đa bào, **sống dị dưỡng**



Nấm hương



Nấm kim châm



Nấm hải sản



Nấm mèo (mộc nhĩ)

+ **Giới Thực vật:** gồm những sinh vật **có cấu tạo tế bào nhân thực**, cơ thể đa bào, có khả năng quang hợp, môi trường sống đa dạng, không có khả năng di chuyển



Nhóm Tảo



Nhóm Rêu



Nhóm Dương xỉ



Nhóm Hạt trần



Nhóm Hạt kín

+ **Giới Động vật:** gồm những sinh vật có cấu tạo tế bào nhân thực, cơ thể đa bào, sống dị dưỡng, có khả năng di chuyển, môi trường sống đa dạng



Tê giác



Sư tử



Khỉ



Noi



Hươu cao cổ



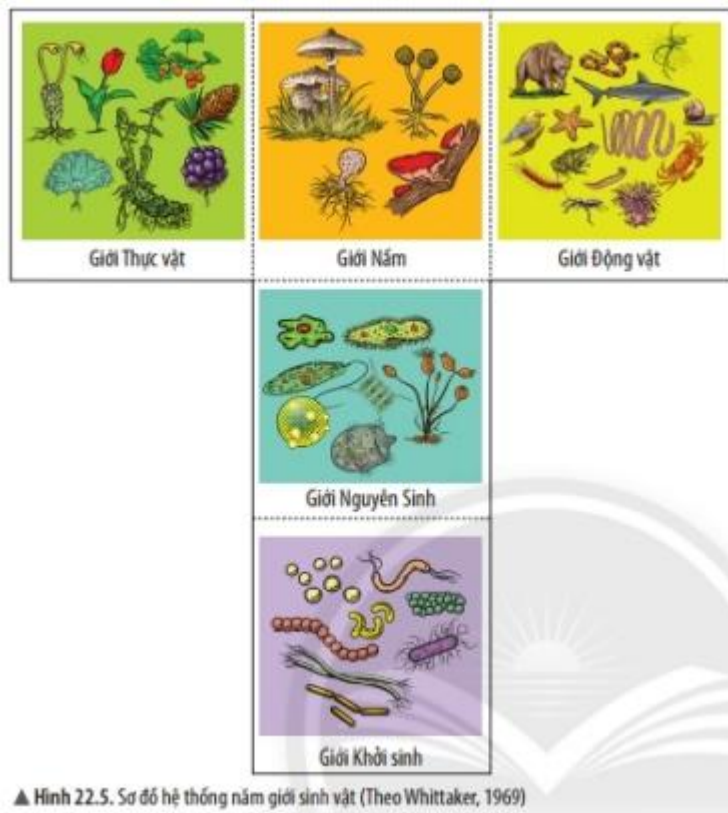
Chimpanzee



Câu 8: Khóa lưỡng phân là gì? Xây dựng khóa lưỡng phân như thế nào?

- Khóa lưỡng phân là cách phân loại sinh vật dựa trên một đôi đặc điểm đối lập để phân chia chúng thành hai nhóm.

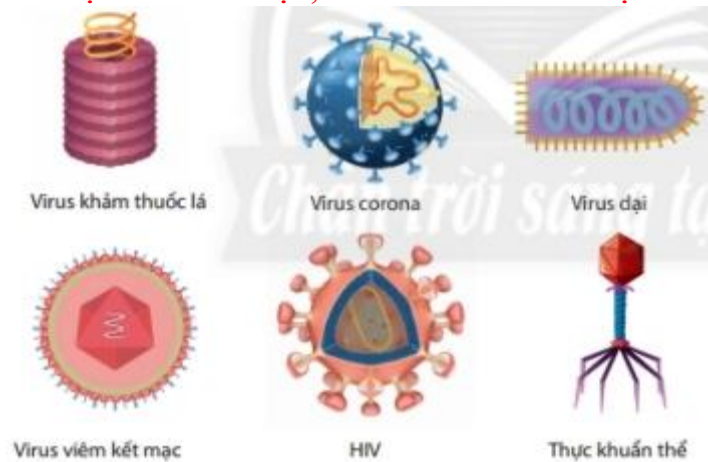
- Cách xây dựng khóa lưỡng phân: xác định đặc điểm đặc trưng đối lập của mỗi sinh vật, dựa vào đó phân chia chúng thành hai nhóm cho đến khi mỗi nhóm chỉ còn lại một sinh vật.



BÀI 24: VIRUS

Câu 1: Virus là gì?

- Virus là dạng sống đơn giản, chưa có cấu tạo tế bào, có kích thước siêu hiển vi, sống kí sinh nội bào bắt buộc, khi ra khỏi tế bào vật chủ, virus tồn tại như một vật không sống.

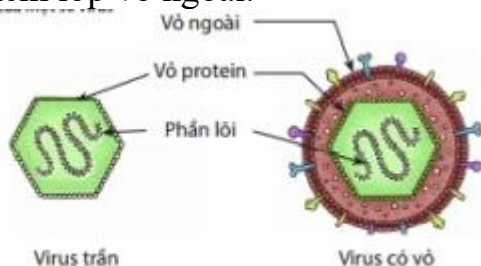


Câu 2: Virus có các hình dạng đặc trưng nào?

- Virus có 3 hình dạng chính là:
- + Dạng xoắn (virus khảm thuốc lá, virus dại...)
- + Dạng hình khối (virus cúm, virus viêm kết mạc...)
- + Dạng hỗn hợp (phage)

Câu 3: Virus có cấu tạo gồm các thành phần nào?

- Virus có cấu tạo đơn giản, gồm lớp vỏ protein và phần lõi chứa vật chất di truyền, một số virus có thêm lớp vỏ ngoài.



▲ Hình 24.2. Cấu tạo của virus

Câu 3: Virus có những lợi ích gì?

- Virus có vai trò trong nghiên cứu khoa học, sản xuất các chế phẩm sinh học (thuốc kháng sinh, vaccine,...)
- Trong nông nghiệp, virus được sử dụng trong sản xuất thuốc trừ sâu sinh học

Câu 4: Virus có những tác hại gì?

- Virus gây ra các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây hại cho con người và các loài sinh vật khác



▲ Hình 24.4. Biểu hiện của người bị bệnh sốt xuất huyết



▲ Hình 24.5. Biểu hiện của bệnh khảm ở cây cà chua



▲ Hình 24.6. Biểu hiện của bệnh cúm ở gà

Câu 5: Bệnh do virus gây ra lan truyền thông qua các con đường nào?

- Bệnh do virus gây ra có thể lan truyền qua các con đường như:
- + Đường hô hấp (ho, hắt hơi,...)
- + Đường máu (dùng chung bơm kim tiêm, xăm mình,...)
- + Tiếp xúc trực tiếp
- + Truyền từ mẹ sang con



▲ Hình 24.7. Một số phương thức lây truyền bệnh do virus

BÀI 25: VI KHUẨN

Câu 1: Vi khuẩn là gì?

- Vi khuẩn là nhóm sinh vật có cấu tạo **tế bào nhân sơ**, kích thước hiển vi.



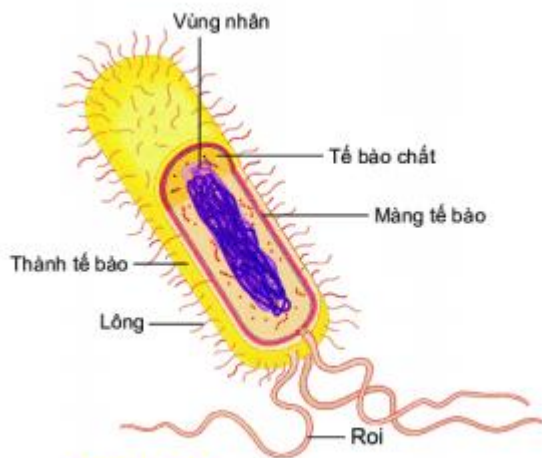
▲ Hình 25.1. Một số loại vi khuẩn gây bệnh ở người

Câu 2: Vi khuẩn có các hình dạng chính nào?

- Đa số vi khuẩn có hình que, hình cầu, hình xoắn, hình dấu phẩy...

Câu 3: Vi khuẩn có cấu tạo như thế nào?

- Vi khuẩn có cấu tạo bởi các thành phần chính là: thành tế bào, màng tế bào, chất tế bào và **vùng nhân**. Một số vi khuẩn có thể có lông bơi hoặc roi bơi để di chuyển.

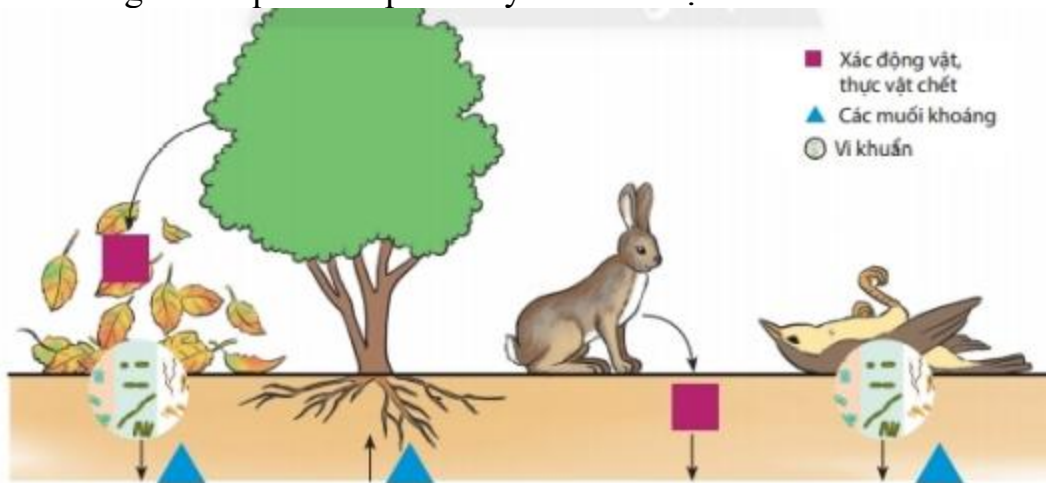


Hình 3.2 Cấu tạo một vi khuẩn

Câu 4: Vi khuẩn có lợi ích gì đối với tự nhiên và đối với con người?

- Đối với tự nhiên:

+ Tham gia vào quá trình phân hủy xác sinh vật và chất thải hữu cơ làm sạch môi trường.



Hình 25.3. Vi khuẩn phân hủy xác sinh vật và chất thải

- Đối với con người:

+ Chế biến thực phẩm



Rau, củ, quả muối

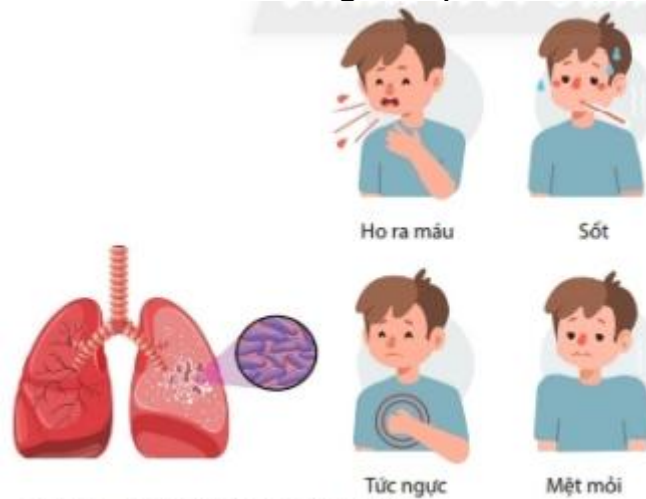


Sữa chua

▲ Hình 25.4. Một số sản phẩm lên men nhờ vi khuẩn

Câu 5: Vi khuẩn có tác hại gì?

- Vi khuẩn gây bệnh cho con người, động thực vật...
- Vi khuẩn làm hư hỏng thực phẩm, làm thức ăn bị ôi thiu



▲ Hình 25.6. Biểu hiện của người bị bệnh lao phổi

Câu 6: Biện pháp để phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra chúng ta cần làm gì?

- Để phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra chúng ta cần:
 - + Vệ sinh cá nhân
 - + Vệ sinh môi trường
 - + Bảo quản thực phẩm đúng cách.



▲ Hình 25.7. Một số biện pháp phòng chống bệnh do vi khuẩn gây ra

BÀI 27: NGUYÊN SINH VẬT

Câu 1: Nguyên sinh vật là gì?

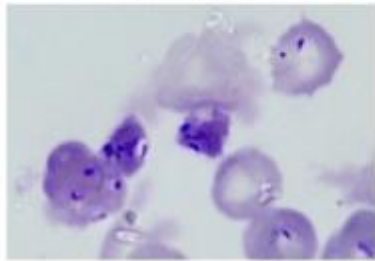
- Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật có **cấu tạo tế bào nhân thực**, có kích thước hiển vi.



a) Trùng giày



b) Trùng roi



c) Trùng sốt rét

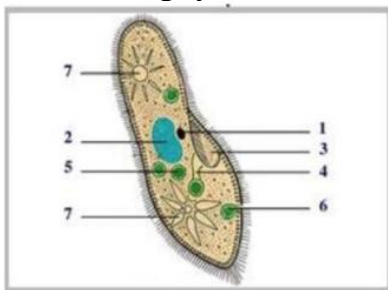


d) Trùng biến hình

Câu 2: Nguyên sinh vật có cấu tạo như thế nào?

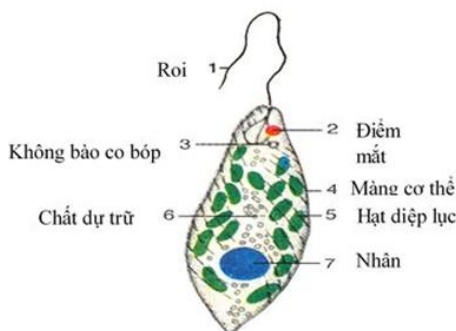
- Đa số cơ thể chỉ gồm **một tế bào** nhưng **đảm nhận được đầy đủ chức năng của một cơ thể sống hoàn chỉnh**.

- Một số nguyên sinh vật có khả năng quang hợp như tảo lục, trùng roi...



Cấu tạo Trùng đế giày

1. Nhân bé
2. Nhân lớn
3. Miệng
4. Không bào tiêu hóa ở đáy hầu
5. Đường di chuyển của không bào tiêu hóa
6. Lỗ thoát bã thải
7. Không bào co bóp



Câu 3: Nguyên sinh vật có các hình dạng nào?

- Nguyên sinh vật đa dạng về hình dạng (hình cầu, hình thoi, hình giày...), một số có hình dạng không ổn định (trùng biến hình)

Câu 4: Lấy ví dụ về một số bệnh do nguyên sinh vật gây ra và cho biết một số đặc điểm về bệnh đó.

* Bệnh sốt rét:

- Do trùng sốt rét gây nên
- Con đường lây bệnh: khi muỗi đốt người bệnh, trùng sốt rét theo máu vào cơ thể muỗi và tuyên sang người lạnh qua tuyến nước bọt của muỗi
- Biểu hiện bệnh: sốt cao, rét run, mệt mỏi, nôn mửa...



▲ Hình 27.3a. Muỗi Anopheles



▲ Hình 27.3b. Biểu hiện của người bị bệnh sốt rét

* Bệnh kiết lị:

- Do trùng kiết lị gây nên
- Con đường lây bệnh: bào xác của trùng kiết lị theo phân ra ngoài. Khi gặp điều kiện thích hợp, chúng bám vào cơ thể ruồi nhặng, thông qua thức ăn lan truyền bệnh cho nhiều người
- Biểu hiện bệnh: đau bụng, tiêu chảy, phân có lẫn máu, có thể sốt...



▲ Hình 27.4a. Trùng kiết lị
– Entamoeba histolytica



▲ Hình 27.4b. Biểu hiện của người bị bệnh kiết lị

Câu 5: Chúng ta có thể làm gì để phòng tránh các bệnh do nguyên sinh vật gây nên?

- Tiêu diệt côn trùng trung gian gây bệnh
- Vệ sinh an toàn thực phẩm: ăn chín uống sôi, rửa tay sạch sẽ trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh, bảo quản thức ăn đúng cách
- Vệ sinh môi trường xung quan sạch sẽ, tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm

BÀI 28: NẤM

Câu 1: Đặc điểm nào giúp em nhận biết được nấm?

- Nấm thường sống ở những nơi ẩm ướt như đất ẩm, rơm rạ, thức ăn, hoa quả,...

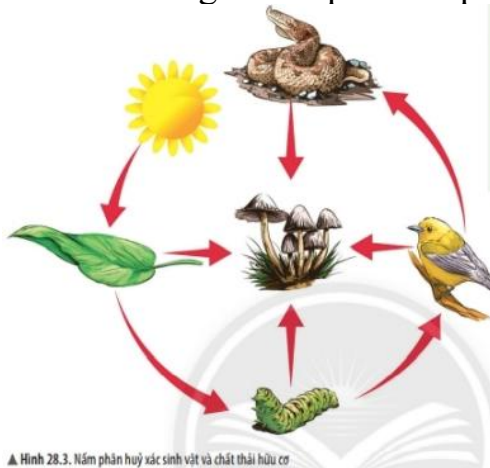


Câu 2: Ta có thể phân chia các loại nấm dựa vào các tiêu chí nào?

- Dựa vào đặc điểm cấu tạo tế bào: nấm được chia thành hai nhóm là nấm đơn bào và nấm đa bào
- Dựa vào đặc điểm cơ quan sinh sản: nấm được chia ra thành hai nhóm là nấm đảm và nấm túi
- + Nấm đảm có cơ quan sinh sản là bào tử, bào tử mọc trên đảm
- + Nấm túi có cơ quan sinh sản là túi bào tử, bào tử nằm trong các túi

Câu 3: Nấm có vai trò gì trong tự nhiên và trong thực tiễn?

- Trong tự nhiên:
- + Nấm tham gia vào quá trình phân hủy xác sinh vật, rách hữu cơ, làm sạch môi trường



Hình 28.3. Nấm phân hủy xác sinh vật và chất thải hữu cơ

- Trong thực tiễn:
- + Làm thức ăn
- + Làm thuốc, thực phẩm chức năng
- + Dùng trong sản xuất bia, rượu, làm men nở, chế biến thực phẩm



▲ Hình 28.4. Vai trò của nấm trong đời sống

Câu 4: Nấm có tác hại như thế nào?

- Một số loại nấm gây bệnh cho con người và các loài động, thực vật gây ảnh hưởng về sức khỏe con người và giảm năng suất nuôi trồng



Câu 5: Nấm có thể lây truyền qua những con đường nào? Nêu các biện pháp phòng chống bệnh do nấm gây ra.

- Một số con đường lây bệnh do nấm:

- + Tiếp xúc với mầm bệnh
- + Ô nhiễm môi trường
- + Vệ sinh cá nhân chưa đúng cách

Biện pháp phòng chống:

- + Hạn chế tiếp xúc trực tiếp với nguồn gây bệnh
- + Vệ sinh cá nhân thường xuyên
- + Vệ sinh môi trường

Câu 6: Để trồng nấm rơm mang lại hiệu quả cao người ta cần lưu ý các yếu tố nào?

- Chuẩn bị nguyên liệu phù hợp
- Trồng nơi thoáng mát, sạch sẽ, tránh nơi có ánh sáng trực tiếp
- Chọn giống nấm có chất lượng tốt
- Tưới nước hằng ngày, chỉ tưới đủ, không tưới đầm

BÀI 29: THỰC VẬT

Câu 1: Thực vật được chia thành các ngành nào? Nêu đặc điểm của từng ngành.

Thực vật được chia thành các ngành là: ngành Rêu, ngành Dương xỉ, ngành Hạt trần và ngành Hạt kín.

- Ngành Rêu:

- + Chưa có rễ chính thức
- + Chưa có mạch dẫn
- + Sinh sản bằng bào tử
- + Sống ở những nơi ẩm ướt

Ngành Dương xỉ:

- + Cơ thể gồm rễ, thân, lá
- + Có hệ mạch dẫn
- + Sinh sản bằng bào tử



Cây dương xỉ thường



Cây dương xỉ thân gỗ



Ố bào tử dương xỉ

▲ Hình 29.1b. Đại diện nhóm Dương xỉ

- Ngành Hạt trần:

- + Sống trên cạn
- + Cấu tạo phức tạp: thân gỗ, có mạch dẫn
- + Hạt nằm lộ trên lá noãn
- + Chưa có hoa và quả
- + Sinh sản bằng nón

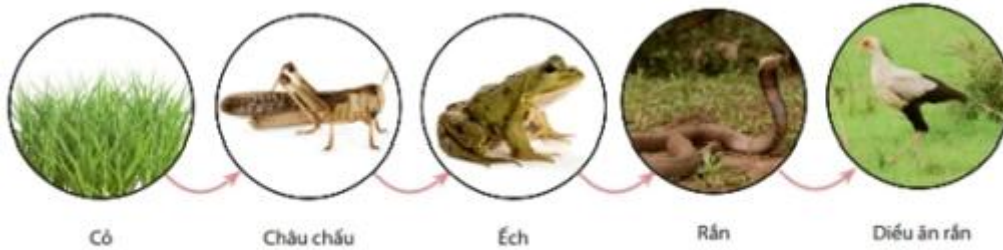
- Ngành Hạt kín:

- + Các cơ quan (rễ, thân, lá) biến đổi đa dạng
- + Thân có hệ mạch dẫn hoàn thiện
- + Cơ quan sinh sản là hoa
- + Hạt được bảo vệ trong quả
- + Môi trường sống đa dạng

Câu 2: Thực vật có vai trò gì?

- Đối với tự nhiên:

- + Thực vật là thức ăn của nhiều loài sinh vật
- + Thực vật cung cấp nơi ở, nơi sinh sản cho nhiều loài sinh vật



▲ Hình 29.2. Sơ đồ chuỗi thức ăn trong tự nhiên



Tổ chim trên cây

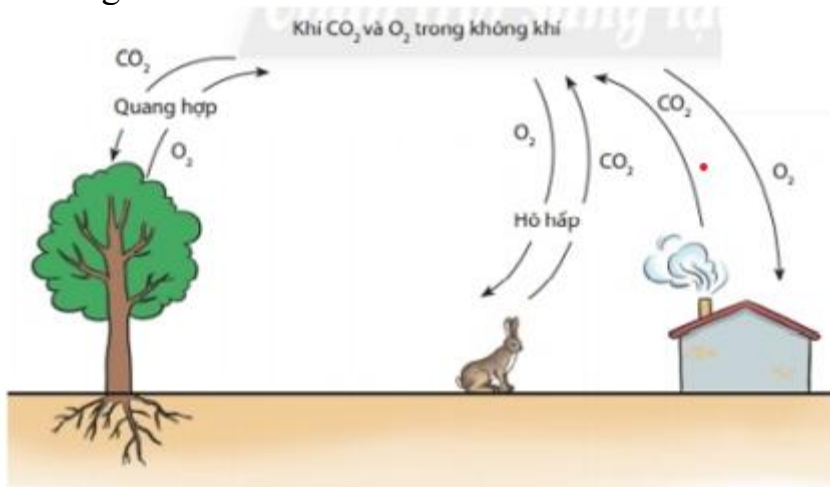


Trứng sâu trên lá cây

▲ Hình 29.3. Thực vật là nơi sinh sống của một số sinh vật khác

- Đối với môi trường:

- + Thực vật góp phần giữ cân bằng hàm lượng khí oxygen và carbon dioxide trong không khí
- + Điều hòa khí hậu
- + Chống xói mòn đất



▲ Hình 29.4. Sơ đồ trao đổi khí carbon dioxide (CO_2) và oxygen (O_2) trong tự nhiên

- Đối với thực tiễn:

- + Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp...
- + Làm cảnh



BÀI 31: ĐỘNG VẬT

Câu 1: *Người ta chia động vật thành mấy nhóm lớn? Cách chia đó dựa vào đặc điểm nào?*

- Căn cứ vào xương cột sống động vật được chia thành hai nhóm:
- + Động vật không xương sống
- + Động vật có xương sống



▲ Hình 31.1a. Bộ xương của châu chấu

▲ Hình 31.1b. Bộ xương của chim bồ câu

Câu 2: *Động vật không xương sống bao gồm các ngành nào? Nêu đặc điểm của từng ngành.*

Động vật không xương sống bao gồm các ngành: Ruột khoang, Giun, Thân mềm và Chân khớp.

- Ngành Ruột khoang:
 - + Là động vật đa bào bậc thấp
 - + Cơ thể hình trụ, đối xứng tỏa tròn
 - + Có nhiều tua miệng
 - + Sống ở môi trường nước
- Ngành Giun:
 - + Cơ thể đa dạng (dẹp, hình ống, phân đốt)
 - + Cơ thể đối xứng hai bên, đã phân biệt đầu đuôi – lưng bụng
 - + Thường sống trong đất ẩm hoặc trong cơ thể sinh vật



▲ Hình 31.2b. Một số đại diện của nhóm Giun

- Ngành Thân mềm:
 - + Có cơ thể mềm, không phân đốt
 - + Thường có vỏ đá vôi bao bọc
 - + Xuất hiện điểm mắt
 - + Có số lượng loài lớn, khác nhau về hình dạng, kích thước và môi trường sống
- Ngành Chân khớp:
 - + Cơ thể chia làm 3 phần (đầu, ngực, bụng)
 - + Cơ quan di chuyển: chân, cánh
 - + Cơ thể phân đốt, đối xứng hai bên
 - + Bộ xương ngoài bằng chitin
 - + Các chân phân đốt, khớp động với nhau
 - + Có số lượng loài đa dạng nhất, phân bố ở khắp các môi trường sống

Câu 3: Động vật có xương sống bao gồm các nhóm nào? Nêu đặc điểm của từng nhóm.

- Nhóm Cá:
 - + Thích nghi hoàn toàn với đời sống ở nước
 - + Di chuyển bằng vây



▲ Hình 31.3a. Một số đại diện của nhóm Cá

- Nhóm Lưỡng cư:
 - + Da trần, luôn ẩm ướt
 - + Chân có màng bơi
 - + Một số lưỡng cư có đuôi hoặc thiếu chân hoặc không có đuôi
- Nhóm Bò sát:
 - + Đa số thích nghi với đời sống ở cạn
 - + Da khô và có vảy sừng



- Nhóm Chim:

- + Sống trên cạn
- + Thân mình có lông vũ bao phủ
- + Chi trước biến đổi thành cánh
- + Có mỏ sừng
- + Có các đặc điểm cơ thể thích nghi với các môi trường khác nhau

- Nhóm Thú (Động vật có vú):

- + Là nhóm động vật có tổ chức cấu tạo cơ thể cao nhất
- + Có bộ lông mao bao phủ
- + Ranh phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng hàm
- + Phần lớn đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ
- + Sống ở các môi trường đa dạng khác nhau

Câu 5: Động vật có tác hại gì đối với đời sống con người?

- Trong đời sống, một số loài động vật là tác nhân gây bệnh hoặc vật trung gian truyền bệnh cho con người và các sinh vật khác
- Một số loài động vật phá hoại mùa màng hoặc các công trình xây dựng

BÀI 33: ĐA DẠNG SINH HỌC

Câu 1: Đa dạng sinh học là gì?

- Đa dạng sinh học là sự phong phú về số lượng loài, số cá thể trong loài và môi trường sống.

Câu 2: Đa dạng sinh học có vai trò gì?

- Đa dạng sinh học là nguồn tài nguyên quý giá đối với tự nhiên và con người.
- Trong tự nhiên, đa dạng sinh học góp phần bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, chắn sóng, chắn gió, điều hòa khí hậu, duy trì sự ổn định của hệ sinh thái.
- Trong thực tiễn, đa dạng sinh học cung cấp các sản phẩm sinh học cho con người như: lương thực, thực phẩm, dược liệu...

Câu 3: Những nguyên nhân nào gây suy giảm đa dạng sinh học?

- Phá rừng, khai thác gỗ, du canh, di dân, khai hoang, nuôi trồng thủy sản, xây dựng đô thị làm mất môi trường sống của sinh vật
- Săn bắt, buôn bán động vật, thực vật hoang dã quý hiếm

- Sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật
- Chất thải từ các nhà máy chưa qua xử lý, từ các hoạt động sống của con người gây ô nhiễm môi trường.

Câu 4: Chúng ta có thể làm gì để bảo vệ đa dạng sinh học?

- Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật
- Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã
- Xây dựng các khu bảo tồn nhằm bảo vệ các loài sinh vật trong đó có các loài quý hiếm
- Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng
- Tăng cường các hoạt động trồng cây, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường

MÔN ÂM NHẠC – NGHỆ THUẬT 6

Lớp 6 / Tuần 9 / Học Kỳ 2: Từ ngày 14//03 đến 19 /03/2022.

Tiết 9: Hát : *Kỉ niệm xưa (Auld lang syne)*



HÁT



KỈ NIỆM XƯA (Auld lang syne)

Nhạc Scotland

Phỏng dịch: Tổ Mai, Mai Hồng

Vừa phải, tha thiết

Bạn ơi ta vui đến đây, cùng nhau sum vầy rồi mai xa cách. Hãy
luôn nhớ những ngày qua, cùng nhau hát mừng ta vui gặp nhau. Đến
đây chung vui hoà ca, kỉ niệm khó quên một thời gần bó. Hãy
luôn nhớ những ngày qua, dù mai có ngày ta không gặp nhau.

Tìm hiểu bài hát

Thế giới âm nhạc vô cùng phong phú, mỗi quốc gia, dân tộc đều có nền âm nhạc đặc sắc của riêng mình. *Kỉ niệm xưa* (Auld lang syne) là bài hát có nguồn gốc từ Scotland. Với nhịp điệu mang tính nhảy múa, uyển chuyển, giai điệu rất phù hợp với cách hát tập thể, *Kỉ niệm xưa* được nhiều nước trên thế giới sử dụng để hát trong những dịp chia tay năm cũ, kết thúc năm học, trong các dịp hội hè,... Bài hát gồm một đoạn nhạc với 4 câu hát: câu 1 từ "Bạn ơi...", câu 2 từ "Hãy luôn...", câu 3 từ "Đến đây...", câu 4 từ "Hãy luôn..." đến hết.

CHỦ ĐỀ : NGHỆ THUẬT CỔ ĐẠI THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Bài 2: Họa Tiết Trống Đồng

1. Khám phá hình họa tiết trống đồng

- Mặt trống đồng có những họa tiết:
- Cách sắp xếp các họa tiết: Hình người gãi gạo, chèo thuyền, thổi kèn, vũ nữ, chiến binh, chim, thú, nhà, sóng, nước.
- + Đối xứng
- + Xem kẽ
- + Nhắc lại.
- + Các mảng hình không đều.

2. Cách mô phỏng họa tiết bằng kĩ thuật in

- Chuẩn bị miếng xốp
- Vẽ họa hình họa tiết lên miếng xốp. Ấn nhẹ đầu bút theo nét vẽ để tạo khuôn in.



- Bôi màu lên khuôn, dùng tay hoặc giấy mềm xoa đều lên mặt giấy tạo hình in.

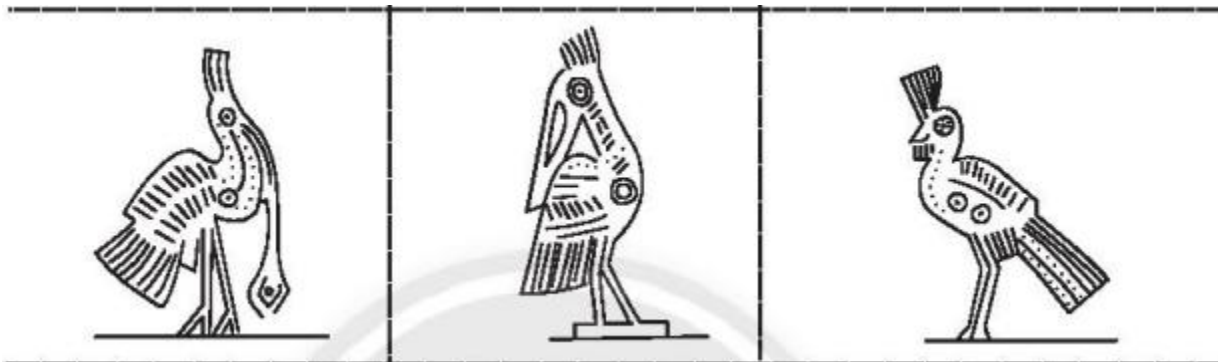


- Nhắc giấy ra khỏi khuôn in.



3. Mô phỏng họa tiết trên trống đồng bằng kĩ thuật in

- Chọn họa tiết trên trống đồng và thực hiện theo các bước.



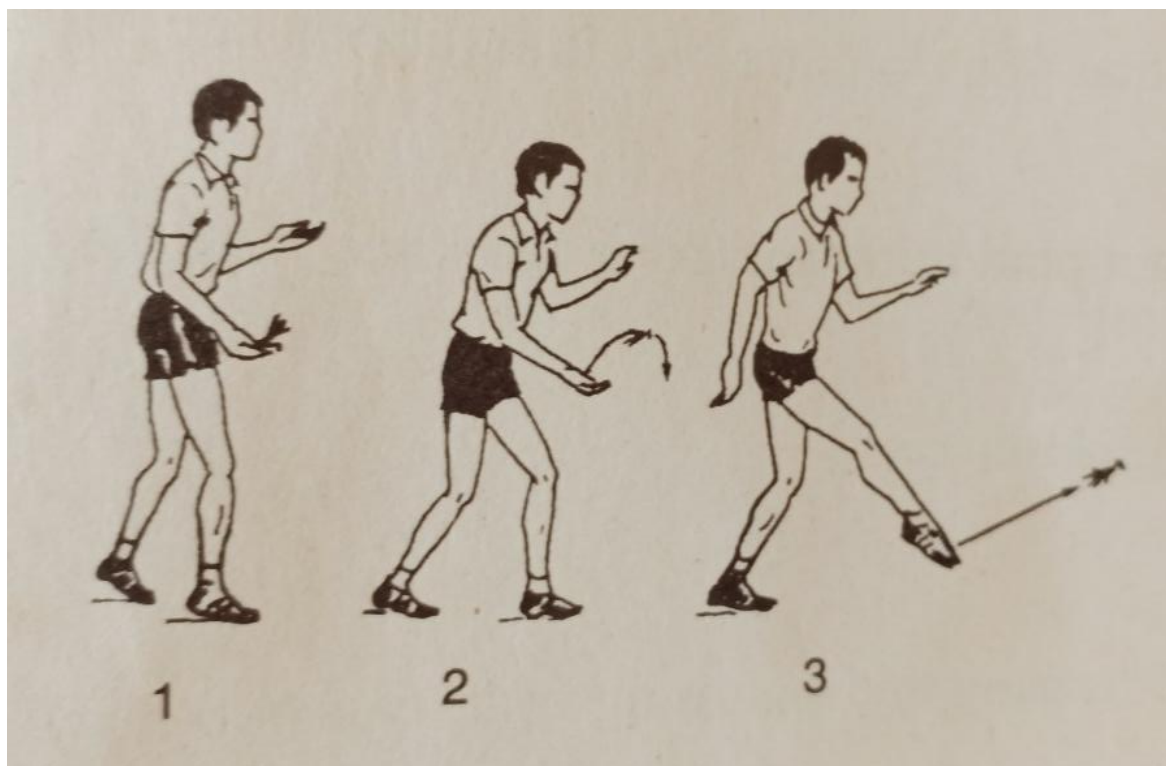
NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN THỂ DỤC 6 - TUẦN 7 HKII

MÔN ĐÁ CẦU

(Hướng dẫn HS tự học)

I. KỸ THUẬT PHÁT CẦU THẤP CHÂN CHÍNH DIỆN BẰNG MU BÀN CHÂN:

- Chuẩn bị: đứng chân đá trước (chân cùng bên với tay cầm cầu) mũi bàn chân cách biên ngang khoảng 1 bàn chân, cả bàn chân chạm đất. Chân sau, chạm đất bằng nửa bàn chân trên (xem H1).
- Động tác: bước chân trụ ra trước 1 bước, dồn trọng tâm lên chân trụ, kết hợp với tay cầm cầu tung cầu lên cao, về trước khoảng 1 tầm chân đá (xem H2). Tiếp theo, co chân, dùng mu bàn chân đá mạnh cầu sang sân đối phương. Khi phát cầu và sau khi phát cầu, trọng tâm cơ thể không nâng lên cao, bàn chân đá cầu không nâng cao quá đầu gối (xem H3).



II. Thể lực:

Đứng lên ngồi xuống 30 giây x 3 lần

TIN HỌC 6
TUẦN 7 (14/03/2021 ĐẾN 19/3/2021)

CHỦ ĐỀ E. ỨNG DỤNG TIN HỌC

BÀI 2. TRÌNH BÀY TRANG, ĐỊNH TRANG VÀ IN VĂN BẢN

1. Khám phá cách thực hiện định dạng đoạn

- Đoạn văn bản là một hay một số dòng văn bản được viết giữa hai kí tự ngắt dòng.
- Các thuộc tính định dạng đoạn thường dùng là: kiểu căn lề, độ dẫn dòng, độ dẫn đoạn.
- Định dạng đoạn hợp lí sẽ làm cho văn bản được trình bày đẹp hơn vì các dòng và các đoạn được dẫn cách phù hợp, văn bản được căn biên đều hai bên cũng đẹp hơn.

2. Tìm hiểu về định dạng trang

- Định dạng trang là công cụ chủ yếu của trình bày trang văn bản.
- Các thuộc tính của định dạng trang: lề trên, lề dưới, lề trái và lề phải.
- Muốn căn lề nhanh: Trong dải lệnh Page Layout, chọn mẫu lề có sẵn từ lệnh căn lề.

3. In văn bản

- Các bước thực hiện in ấn:
 - + B1: Chọn lệnh File trên thanh công cụ
 - + B2: Chọn vào lệnh Print
 - + B3: Bảng in hiện ra, điền đầy đủ số bản in, chọn tên máy in và phạm vi in.
 - + B4: Ra lệnh in bằng nút Print